

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **600/2024/HSPT**

Ngày: 30-12-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Ngọc Thái**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Ông Nguyễn Văn Tào.

- Thư ký phiên tòa: bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Vân**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 496/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 do có kháng cáo của Bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Các bị cáo kháng cáo:

1. **Nguyễn Ngọc T**, sinh ngày 28/6/1988 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: **Thôn P, xã P, huyện T, Bình Định**; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Nguyễn Hữu T1**, sinh năm: 1957 và bà: **Đinh Thị H**, sinh năm: 1958; vợ: **Đinh Thị S**, sinh năm: 1988, con: có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2023 cho đến ngày 15/3/2024 thì hủy bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

2. **Nguyễn Hữu T2**, sinh ngày 26/8/1983 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: **Thôn P, xã P, huyện T, Bình Định**; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Nguyễn Hữu T1**, sinh năm: 1957 và bà: **Đinh Thị H**, sinh năm: 1958; vợ: **Trần Thị Kim L** (chết), con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2005; nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2023 cho đến ngày 15/3/2024 thì hủy bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo khác, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h30' ngày 20/12/2023, **Phòng C Công an tỉnh B** phối hợp với **Công an huyện T** và **Công an xã P, huyện T** đồng loạt tiến hành kiểm tra các **nhà nghỉ M2** do ông **Huỳnh Đình M** làm chủ; **nhà nghỉ T11** do ông **Nguyễn Đức T3** làm chủ và **khách sạn H4** do bà **Huỳnh Thị Diệu H1** (sinh năm 1984) làm chủ; ông **Nguyễn Minh T4** (sinh năm 1983, là chồng của **H1**) làm quản lý khách sạn, đều ở cùng địa chỉ **thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định** phát hiện bắt quả tang 01 cặp nam nữ đang có hành vi mua bán dâm và chứa mại dâm tại **nhà nghỉ M2** nên đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với ông **Huỳnh Đình M**; đồng thời, phát hiện tại **nhà nghỉ T11** và **khách sạn H4** mỗi nơi cũng có 01 cặp nam nữ có hành vi mua bán dâm vừa xong nên đã tạm giữ các đồ vật, công cụ, phương tiện và đưa các đối tượng có liên quan đến hành vi chứa, mua bán dâm về trụ sở Cơ quan Công an để làm việc. Ngoài ra, **Phòng C Công an tỉnh B** phối hợp với **Công an xã P, huyện T, tỉnh Bình Định** tiến hành kiểm tra hành chính nơi ở của **Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Hữu T2** và **nhà nghỉ M2** ở **thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định** phát hiện có 13 đối tượng nữ gồm: **Đinh Thị B, Đinh Thị R, Đinh Thị Ngọc Đ, Phạm Thị L1, Đinh Thị T5, Đinh Thị S1, Đinh Thị S2, Phạm Thị H2, Phạm Thị T6, Đinh Thị T7, Đinh Thị D, Đinh Thị M1, Y T8** đều sinh hoạt ăn, ở tại nhà của **T, T2** và **nhà nghỉ M2** nên đưa về Cơ quan Công an để làm việc. Đến ngày 21/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh B** ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với **Nguyễn Đức T3** về

hành vi chứa mại dâm; đối với Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Hữu T2, Huỳnh Thị Ái V về hành vi môi giới mại dâm.

Quá trình điều tra đã xác định được các đối tượng có hành vi chứa mại dâm và môi giới mại dâm như sau:

Các đối tượng có hành vi chứa mại dâm, cụ thể:

1. Đối với Huỳnh Đình M (là chủ cơ sở kinh doanh cho thuê lưu trú nhà nghỉ M2): Vào khoảng 20h15' ngày 20/12/2023, Hồ Văn L2 (sinh năm 1992, trú tại phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định) đến nhà nghỉ Minh D1 hỏi ông M là cần mua dâm với gái bán dâm, ông M báo giá bán dâm là 250.000 đồng cho 01 lượt mua dâm (bao luôn tiền phòng nghỉ) thì L2 đồng ý. Sau đó, M dẫn L2 vào phòng số 02 chờ và dùng số điện thoại 0988802243 gọi điện thoại vào số điện thoại 0977373404 của Huỳnh Thị Ái V (là con gái ruột của M) yêu cầu điều 01 gái bán dâm đến phòng số 02 nhà nghỉ M2 để bán dâm cho khách thì V đồng ý. Theo thỏa thuận giữa ông M, V và gái bán dâm thì 01 lượt bán dâm cho khách tại nhà nghỉ M2 có giá 250.000 đồng; trong số tiền trên gái bán dâm được hưởng 140.000 đồng, còn lại 110.000 đồng gồm tiền khách thuê nhà nghỉ để thực hiện hành vi mua bán dâm là 70.000 đồng và V được tiền hưởng lợi từ việc môi giới là 40.000 đồng. Sau đó, V gọi điện thoại cho Phạm Thị Bích P (sinh năm 1999, trú tại thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) bảo đến nhà nghỉ M2 bán dâm cho khách thì P đồng ý. Khoảng 10 phút sau, P đến nhà nghỉ M2 thì được ông M dẫn vào phòng số 02 để bán dâm cho Hồ Văn L2. Trong lúc Hồ Văn L2 và Phạm Thị Bích P đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang nên đã đưa ông M, L2 và P về trụ sở làm việc (ông M chưa kịp thu tiền của Hồ Văn L2 để đưa lại cho gái bán dâm là P và P cũng chưa đưa tiền cho V nên V chưa hưởng lợi).

2. Đối với Nguyễn Đức T3 (là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ cho thuê lưu trú nhà nghỉ T11): Vào khoảng 20h00' ngày 20/12/2023, Đặng Hồng H3 (sinh năm 1979, trú tại khu vực Q, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định) đến nhà nghỉ T11 và yêu cầu ông T3 điều cho 01 người nữ đến bán dâm thì ông T3 đồng ý. Hai bên thỏa thuận và thống nhất giá bán dâm là 250.000 đồng cho 01 lượt mua dâm (đã bao luôn tiền phòng), H3 trả trước cho ông T3 số tiền 250.000 đồng, còn ông T3 đưa chìa khóa phòng số 16 để H3 lên phòng trước. Sau đó, ông T3 dùng điện thoại (có số sim là 0362087130) gọi cho Nguyễn Hữu T2 (có số sim là 0399453384) nói là có khách mua dâm và yêu cầu T2 chở 01 gái bán dâm đến nhà nghỉ T11 để bán dâm cho khách, thì T2 đồng ý. Khoảng hơn 05 phút sau, T2 điều khiển xe mô tô chở theo 01 gái bán

dâm tên là Y B1 (sinh năm 1996, trú tại thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum, thường gọi là “L3”) đến nhà nghỉ T11. Lúc này, ông T3 báo số phòng số 16 cho Y BLỒI biết để lên phòng bán dâm cho H3. Sau đó, Y BLỒI lên trên phòng 16 và khoảng hơn 10 phút sau thì đi xuống; ông T3 lấy 140.000 đồng của H3 trả trước đưa cho Y BLỒI, còn lại 110.000 đồng là tiền cho thuê phòng nghỉ nên ông T3 lấy (ông T3 không có hưởng lợi tiền gì từ việc Y BLỒI mua bán dâm với Đặng Hồng H3 và việc điều gái bán dâm từ T2). Lúc này, lực lượng Công an kiểm tra phát hiện đưa nên đã ông T3, H3 và Y BLỒI về trụ sở làm việc.

Các đối tượng có hành vi môi giới mại dâm, cụ thể:

1. Đối với Nguyễn Ngọc T: Vào khoảng 20h00’ ngày 20/12/2023, Trần Văn B2 (sinh năm 1983, trú tại khu vực A, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định - sử dụng số điện thoại 0348123441) gọi điện thoại cho T (số điện thoại 0976412941) yêu cầu điều 01 gái bán dâm đến khách sạn H4 ở thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định để Ban mua dâm thì T đồng ý. Sau đó, T bảo Đinh Thị T9 (sinh năm 1995; trú xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, thường gọi là T10 - là gái bán dâm do T quản lý, đang ở nhà T) đến phòng số 11 khách sạn H4 để bán dâm cho Ban thì T9 đồng ý. Trước đó, giữa T và B2 thỏa thuận giá tiền mua dâm với gái bán dâm là 200.000 đồng (không bao gồm tiền phòng nghỉ), B2 đồng ý và chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng TMCP Đ1 (B3) số 58110001814980 mang tên Nguyễn Ngọc T; còn giữa T và T9 thỏa thuận thì mỗi lượt bán dâm cho khách mua dâm xong thì T9 trích lại tiền môi giới cho T là 40.000 đồng. Khi Đinh Thị T9 bán dâm cho Trần Văn B2 xong và B2 đang tính tiền phòng cho ông Nguyễn Minh T4 (quản lý khách sạn H4) thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện có hoạt động mua bán dâm. Lúc này, T, T9, B2 đều thừa nhận hành vi môi giới mại dâm, việc mua bán dâm của mình nên Cơ quan Công an đã đưa T, T9, B2 về trụ sở làm việc và tạm giữ của T số tiền 200.000 đồng (đây là số tiền mà B2 đã chuyển vào tài khoản của T để mua dâm).

2. Đối với Nguyễn Hữu T2: Vào khoảng 20h00’ ngày 20/12/2023, ông Nguyễn Đức T3 (chủ nhà nghỉ T11) gọi điện thoại yêu cầu T2 điều gái bán dâm đến nhà nghỉ T11 bán dâm cho khách là Đặng Hồng H3 thì T2 đồng ý. Sau đó, T2 sử dụng xe mô tô chở Y BLỒI (sinh năm 1996, trú tại thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum, tên thường gọi L3) đến nhà nghỉ T11 để bán dâm cho H3. Giữa T2 và Y BLỒI thỏa thuận với nhau khi bán dâm cho khách mua dâm xong thì Y BLỒI về đưa tiền môi giới cho T2 là 40.000 đồng trên 01 lần bán dâm. Khi Y BLỒI bán dâm cho Đặng Hồng H3 xong và ông T3 đang thanh toán tiền bán dâm cho Y BLỒI thì bị lực lượng

Công an kiểm tra phát hiện có hoạt động mua bán dâm. Lúc này, ông T3, T2, Y B1, H3 đều thừa nhận hành vi chứa mại dâm, môi giới mại dâm, việc mua bán dâm của mình nên Cơ quan Công an đã đưa ông T3, T2, Y BLỒI, H3 về trụ sở làm việc và tạm giữ số tiền bán dâm của Y BLỒI là 140.000 đồng.

3. Đối với Huỳnh Thị Ái V: Vào lúc khoảng 20h13' ngày 20/12/2023, V đang đi ăn ở thị xã A, tỉnh Bình Định thì Huỳnh Đình M (là cha ruột V) gọi điện thoại bảo V điều 01 gái bán dâm đến phòng số 02 nhà nghỉ M2 (do ông M quản lý) để bán dâm cho khách mua dâm là Hồ Văn L2. Sau đó, V gọi điện thoại (số điện thoại 0364.344.4480) cho Phạm Thị Bích P (số điện thoại 0377.645.092) đến phòng số 02 nhà nghỉ M2 để bán dâm cho khách thì P đồng ý. Giữa V và P thỏa thuận 01 lượt bán dâm cho khách giá 250.000 đồng thì P được hưởng 140.000 đồng, còn lại 110.000 đồng thì ông M lấy tiền thuê phòng 70.000 đồng và tiền môi giới của V được hưởng là 40.000 đồng. Trong lúc P và L2 đang thực hiện việc mua bán dâm thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang nên đã đưa ông M, L2 và P về trụ sở làm việc.

* Vật chứng thu giữ của vụ án gồm:

- Thu giữ tại phòng số 11 nhà nghỉ H5: 01 bao cao su hiệu EROS đã xé vỏ; 01 bao cao su màu vàng đã xé vỏ; 02 ruột bao cao su đã qua sử dụng.

- Thu giữ tại phòng số 2 nhà nghỉ M2: 01 bao cao su đã sử dụng và 01 bao cao su chưa qua sử dụng.

- Thu giữ của Y BLỒI: 140.000 đồng (Một trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Thu giữ của Nguyễn Ngọc T: 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, bị xước màn hình, gắn sim số 0967412941.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, gắn sim số 0362087130.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu bạc, gắn sim số 0988802243.

- 01 (một) điện thoại di động NOKIA, màu xanh 105 TA-1174, gắn sim số 0399453384.

- 01 (một) điện thoại di động NOKIA, màu đen, gắn sim số 0364344448.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Huỳnh Đình M, Nguyễn Đức T3** phạm tội: “Chứa mại dâm”. Bị cáo **Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Hữu T2, Huỳnh Thị Ái V** phạm tội: “Môi giới mại dâm”.

- Căn cứ vào: Khoản 1; khoản 4 Điều 328; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ngọc T** 09 (Chín) tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2023 cho đến ngày 15/3/2024.

Phạt bổ sung: Phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T** 10.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào: Khoản 1; khoản 4 Điều 328; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu T2** 06 (Sáu) tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2023 cho đến ngày 15/3/2024.

Phạt bổ sung: Phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T2** 10.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo **Huỳnh Đình M, Nguyễn Đức T3** và **Huỳnh Thị Ái V**; các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xử sơ thẩm: ngày 21 tháng 8 năm 2024, các bị cáo **Nguyễn Ngọc T** và **Nguyễn Hữu T2** kháng cáo có cùng nội dung là xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Nguyễn Hữu T2** xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo **Nguyễn Ngọc T** vẫn giữ nguyên kháng cáo và trình bày: bị cáo phạm tội lần đầu có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị cáo đang phải điều trị bệnh và có

hiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Bị cáo **Nguyễn Hữu T2** có đơn xin rút kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy việc bị cáo rút kháng cáo là tự nguyện nên căn cứ vào khoản 1 Điều 342; khoản 1 Điều 348 và điểm đ, khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo **T2**.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Ngọc T** và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe bị cáo trình bày nội dung kháng cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án; căn cứ luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm:

[1.1] Bị cáo **Nguyễn Hữu T2** có đơn xin rút kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy việc bị cáo rút kháng cáo là tự nguyện nên căn cứ vào khoản 1 Điều 342; khoản 1 Điều 348 và điểm đ, khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo **T2**.

[1.2] Bị cáo **Nguyễn Ngọc T** khai nhận tội, đối chiếu thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 20h00' ngày 20/12/2023, **Trần Văn B2** (sinh năm 1983, trú tại khu vực **A, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định** - sử dụng số điện thoại 0348123441) gọi điện thoại cho **T** (số điện thoại 0976412941) yêu cầu điều 01 gái bán dâm đến **khách sạn H4 ở thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định** để Ban mua dâm thì **T** đồng ý. Sau đó, **T** bảo **Đinh Thị T9** (sinh năm 1995; trú **xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**, thường gọi là **T10** - là gái bán dâm do **T** quản lý, đang ở nhà **T**) đến phòng số 11 **khách sạn H4** để bán dâm cho Ban thì **T9** đồng ý. Trước đó, giữa **T** và **B2** thỏa thuận giá tiền mua dâm với gái bán dâm là 200.000 đồng (không bao gồm

tiền phòng nghỉ), B2 đồng ý và chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng TMCP Đ1 (B3) số 58110001814980 mang tên Nguyễn Ngọc T; còn giữa T và T9 thỏa thuận thì mỗi lượt bán dâm cho khách mua dâm xong thì T9 trích lại tiền môi giới cho T là 40.000 đồng. Khi Đinh Thị T9 bán dâm cho Trần Văn B2 xong và B2 đang tính tiền phòng cho ông Nguyễn Minh T4 (quản lý khách sạn H4) thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện có hoạt động mua bán dâm. Lúc này, T, T9, B2 đều thừa nhận hành vi môi giới mại dâm, việc mua bán dâm của mình nên Cơ quan Công an đã đưa T, T9, B2 về trụ sở làm việc và tạm giữ của T số tiền 200.000 đồng (đây là số tiền mà B2 đã chuyển vào tài khoản của T để mua dâm).

Với hành vi nêu trên Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm vào tội “Môi giới mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Ngọc T thì thấy:

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Nguyễn Ngọc T như: thật thà khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo T có đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 09 tháng tù là không nặng, tương xứng với vai trò và tính chất hành vi của bị cáo nên việc kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn và xuất trình thêm nhiều tài liệu chứng cứ mới thể hiện: bị cáo đang làm nghề lái xe Taxi, là lao động duy nhất trong gia đình, bị cáo có cha mẹ già yếu và bản thân đang phải nuôi con nhỏ được chính quyền địa phương xác nhận. Ngoài ra, hiện nay bị cáo đang bị suy thận nặng phải điều trị nên được xác định đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được áp dụng thêm cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại

khoản 1 và có thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, các bị cáo **T** và **T2** là hai anh em ruột đều lần đầu phạm tội, phạm tội trong trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo **T2** cũng đã bị phạt tù trong cùng vụ án này nên để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật; Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và chấp nhận kháng cáo của bị cáo **T** và sửa một phần quyết định Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[3] Do kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Ngọc T** được chấp nhận nên bị cáo **Nguyễn Ngọc T** không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Bị cáo **Nguyễn Hữu T2** rút kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 342, khoản 1 Điều 348 và điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Hữu T2**. Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo **Nguyễn Hữu T2**.

2. Căn cứ các điểm b, đ khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo **Nguyễn Ngọc T**. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về phần hình phạt tù đối với bị cáo **T**.

3. Áp dụng Khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ngọc T** 09 (Chín) tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo **Nguyễn Ngọc T** cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo **Nguyễn Ngọc T** cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo **Nguyễn Ngọc T** phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo **Nguyễn Hữu T2** không phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo **Nguyễn Ngọc T** không phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Ngọc Thái